

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1170/TTr-SGTVT ngày 15/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải như sau:

1. Danh mục TTHC gồm: 19 TTHC công bố mới; 02 TTHC sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải (Có Phụ lục I, II kèm theo).

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC gồm: 20 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Giao thông vận tải. Trong đó: 18 quy trình công bố mới, 02 quy trình sửa đổi, bổ sung (Có phụ lục IV kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ 03 TTHC cấp tỉnh thuộc Lĩnh vực đường bộ. Cụ thể: 02 TTHC tại số thứ tự 8, 9 mục I, phần A, số thứ tự 43 mục II, phần A kèm theo Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Sơn La về công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải. Bãi bỏ 02 quy trình nội bộ tại số thứ tự 8, 9 mục I, phụ lục II kèm theo Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các TTHC thuộc phạm vi, chức năng của Sở Giao thông vận tải (Có phụ lục III kèm theo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải Sơn La; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các TTHC thuộc phạm vi, chức năng của Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của nội dung trình phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông Vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (D30b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



Phụ lục I

DANH MỤC TTHC CÔNG BỐ MỚI THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: 19 Danh mục thủ tục hành chính (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI: 18 TTHC					
1	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
2	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
4	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
5	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
6	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	- Nộp trực tiếp	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
7	Bỏ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
8	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
9	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
10	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
11	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	- Nộp trực tiếp	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	- Nộp trực tiếp	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
13	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	- Nộp trực tiếp	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
14	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	- Nộp trực tiếp	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
15	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
16	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
17	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
18	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải. Địa chỉ: 188, Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La	Nộp trực tiếp; nộp Qua hệ thống bưu điện; nộp Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: TTHC DO ĐƠN VỊ KHÁC THỰC HIỆN: 02 TTHC (Do 02 Công ty CP Đăng kiểm cơ giới thủy bộ Sơn La thực hiện)					
19	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - tại Công ty cổ phần Đăng kiểm cơ giới thủy bộ Sơn La	Nộp trực tiếp.	a) Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. - Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. - Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 50.000 đ/GCN. - Riêng Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đ/GCN. b) Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành. - Xe ô tô tải, đoàn xe	chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới. - Thông tư số 74/2020/TT-BTC ngày 10/08/2020 Quy định mức thu, nộp phí sử dụng đường bộ. - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/06/2021 Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng: 560.000 đ. - Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại máy kéo: 350.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải trên 2 tấn đến 7 tấn: 320.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải đến 2 tấn: 280.000 đ. - Máy kéo bông sen, công nông và các loại	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					phương tiện vận chuyển tương tự: 180.000 đ. - Rơ moóc, sơ mi rơ moóc: 180.000đ. - Xe ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt: 350.000đ - Xe ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe): 320.000đ - Xe ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe): 280.000đ - Xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương: 240.000đ	



Phụ lục II
DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: 02 Danh mục thủ tục hành chính (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 02 TTHC					
1	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	1. Trường hợp không cần kiểm tra thực địa: Thời hạn thực hiện giải quyết 03 ngày <i>(kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)</i> . 2. Trường hợp cần kiểm tra thực địa: Thời hạn thực hiện giải quyết 07 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp; Qua đường bưu điện; Qua môi trường mạng	Không	- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT - Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT

2	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	- Thời hạn thực hiện giải quyết: 04 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.	Không	- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT - Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT
---	--	---	--	--	--------------	--

8



Phụ lục III
DANH MỤC TTHC BÀI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số **692/QĐ-UBND** ngày 24 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: 03 TTHC

I. DANH MỤC TTHC BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (02 TTHC)					
1	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện vận tải thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: http://qlvt.mt.gov.vn/dic-h-vu-cong	Không	- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của hiệp định và nghị định thư thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào
2	Cấp Giấy phép liên vận Việt-Lào (Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào).	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: http://qlvt.mt.gov.vn/dic-h-vu-cong	Không	- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của hiệp định và nghị định thư thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẢO BỔ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT 02 CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐĂNG KÍỂM CƠ GIỚI THỦY BỘ SƠN LA**

1. Lĩnh vực Đường bộ: 01 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - tại Công ty cổ phần Đăng kiểm cơ giới thủy bộ Sơn La	Nộp trực tiếp	a) Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 50.000 đ/GCN. - Riêng Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đ/GCN. b) Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành. - Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 Quy định về kiểm định ATKT và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. - Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 Hướng dẫn thực

8

				trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng: 560.000 đ. - Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại máy kéo: 350.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải trên 2 tấn đến 7 tấn: 320.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải đến 2 tấn: 280.000 đ. - Máy kéo bông sen, công nông và các loại phương tiện vận chuyển tương tự: 180.000 đ. - Rơ moóc, sơ mi rơ moóc: 180.000đ. - Xe ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt: 350.000đ - Xe ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe): 320.000đ - Xe ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe): 280.000đ - Xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương: 160.000đ. - Xe lam, xích lô máy loại 3 bánh: 70.000đ.	hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu cầu nghiệm ngặt về an toàn. - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới - Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.
--	--	--	--	--	---

1000



Phụ lục IV

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC ĐỐI VỚI DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 18 TTHC

1. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Gia hạn	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Gia hạn	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Gia hạn đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

2. Thủ tục: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

4. Thủ tục: Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

5. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				2 ngày

6. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

7. Thủ tục: Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ văn bản đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

8. Thủ tục: Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Văn bản đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

9. Thủ tục: Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Văn bản đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

10. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Văn bản đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

11. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Văn bản đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

12. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

f

13. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

14. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

15. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

16. Thủ tục: Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

17. Thủ tục: Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

18. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 2 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC/Nội dung Giấy phép	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Phát hành văn bản/Đóng dấu Giấy phép	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức một cửa	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã hoàn thiện/ Giấy phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			2 ngày

8

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC ĐỐI VỚI DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 02 TTHC

1. Thủ tục: Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải

1.1 Trường hợp: Không cần kiểm tra thực địa (đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình điện từ 35 kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ)

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 04 ngày
- Thời gian cắt giảm theo quy định: 01 ngày (*Giảm 25%*)
- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm: 03 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Công chức bộ phận một cửa	Hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Văn bản đầu ra	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã đóng dấu	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản chấp thuận cùng thời điểm với cấp phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			3 ngày

1.2. Trường hợp: Cần kiểm tra thực địa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày
- Thời gian cắt giảm theo quy định: 03 ngày (*Giảm 30%*)
- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm: 07 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Công chức bộ phận một cửa	Hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Dự thảo Văn bản (<i>Kế hoạch kiểm tra thực địa</i>)	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Kiểm tra thực địa; Xây dựng dự thảo văn bản đầu ra	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Báo cáo, biên bản kiểm tra thực địa	3 ngày
			Dự thảo văn bản trả lời Hồ sơ TTHC	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B5	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B6	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư; Phòng chuyên môn	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã đóng dấu	1/4 ngày
B7	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản chấp thuận cùng thời điểm với cấp phép đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			7 ngày

2. Thủ tục: Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày
- Thời gian cắt giảm theo quy định: 01 ngày (*Giảm 20%*)
- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm: 04 ngày
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Công chức bộ phận một cửa	Hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Văn bản đầu ra	2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Chuyên môn	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã đóng dấu	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Văn bản gia hạn chấp thuận đã được hoàn thiện	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			4 ngày

